

TRƯỜNG ĐH SƯ PHẠM KỸ THUẬT TP HCM	ĐÁP ÁN CUỐI KỲ HK 2 NĂM HỌC 2017-2018 Môn: Ngôn ngữ lập trình C Mã môn học: PRLA335164 Đề số/Mã đề: 01
-----------------------------------	---

Phần A: TRẮC NGHIỆM (5.0 điểm)

<p>Câu 1: Tên biến nào sau đây không hợp lệ</p> <p>a. <code>_3x</code> b. <code>X3</code> c. <code>x_3</code> d. <code>3x</code></p> <p>Đáp án: d</p>	<p>Câu 2: Phát biểu nào sau đây KHÔNG đúng về ngôn ngữ C</p> <p>a. Biến chỉ được khai báo bên trong hàm main b. Biến có thể khai báo bên ngoài hàm main c. Biến phải được khai báo trước khi sử dụng d. Biến có thể được gán giá trị khởi tạo hoặc không</p> <p>Đáp án: a</p>
<p>Câu 3: Kiểu nào sau đây là kiểu số thực trong ngôn ngữ C</p> <p>a. <code>real</code> b. <code>short</code> c. <code>double</code> d. <code>long</code></p> <p>Đáp án: c</p>	<p>Câu 4: Cho biết kết quả của đoạn chương trình sau</p> <pre>int a = 2, b = 4, c = 5 ; if (a > b) c = 0; else c = a;</pre> <p>a. <code>c = 0</code> b. <code>c = 2</code> c. <code>c = 5</code> d. <code>c = 4</code></p> <p>Đáp án: b</p>
<p>Câu 5: Trong ngôn ngữ lập trình C, <code>c=a++</code>; tương đương với:</p> <p>a. <code>a=a+1; c=1;</code> b. <code>c=a+1 ;</code> c. <code>c=a; a+=1 ;</code> d. <code>c=a; a=1 ;</code></p> <p>Đáp án: c</p>	<p>Câu 6: Để nhập một số nguyên từ bàn phím, lưu vào biến số nguyên n, có thể dùng</p> <p>a. <code>scanf("%d",&n) ;</code> b. <code>scanf("%d",&n) ;</code> c. <code>scanf("%d",n) ;</code> d. <code>scanf("%f",&n) ;</code></p> <p>Đáp án: b</p>
<p>Câu 7: Cho đoạn lệnh sau:</p> <pre>n = 4; for (n = 5; n > 1; n -= 2) printf ("%d ", n);</pre> <p>Hỏi kết quả in ra màn hình khi chạy đoạn lệnh này là gì?</p>	<p>Câu 8: Cho biết kết quả của đoạn chương trình sau</p> <pre>main() { int a = 5; a++; printf("%d",a);</pre>

<p>a. 5 3 b. 5 3 1 c. 5 4 3 2 1 d. 5 4</p> <p>Đáp án: a</p>	<pre>} a. 5 b. 6 c. Lỗi lúc biên dịch (compile error) d. Lỗi lúc thực thi chương trình (runtime error)</pre> <p>Đáp án: b</p>
<p>Câu 9: Cho đoạn chương trình sau, cho biết nhập những giá trị nào cho n thì vòng lặp kết thúc.</p> <pre>int n; do scanf("%d",&n); while (n<=0) (n>=100) (n==50);</pre> <p>a. $n < 0$ hoặc $n > 100$ b. $0 < n < 100$ c. $0 < n < 50$ và $50 < n < 100$; d. $0 < n < 50$ và $50 \leq n < 100$;</p> <p>Đáp án: c</p>	<p>Câu 10: Chữ “hello” được in ra bao nhiêu lần khi chạy chương trình sau</p> <pre>int x; for(x=0; x<=10; x++) { if(x < 5) continue; else break; printf("hello"); }</pre> <p>a. Vô tận b. 11 lần c. 10 lần d. 0 lần</p> <p>Đáp án: d</p>
<p>Câu 11: Cho biết giá trị của biến sau khi kết thúc chương trình sau</p> <pre>int a = 3, i ; for (i=0;i<10;i++) { a++; if (i == a) break ; }</pre> <p>Đáp án: a = 13 , i = 10</p>	<p>Câu 12: Cho biết giá trị của biến sau khi kết thúc chương trình sau</p> <pre>int a = 3, i ; for (i=0;i<10;i++) { a--; if (i==a) break ; }</pre> <p>Đáp án: a =1, i =1</p>
<p>Câu 13: Cho biết giá trị của biến sau khi kết thúc chương trình sau</p> <pre>int a=0,i=0 ; while (a++<2) i++;</pre> <p>Đáp án: a =3, i =2</p>	<p>Câu 14: Cho biết giá trị của biến sau khi kết thúc chương trình sau</p> <pre>int *p,b,c, a[] = {0,1,2,3,4,5,6,7,8,9}; p = a ; i = *p; b = *(p+1);</pre> <p>Đáp án: i= 0, b=1</p>

<p>Câu 15: Cho biết kết quả khi chạy đoạn chương trình sau</p> <pre>int i, arr[] = {1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8}; int n=8; for (i = 1; i < n; i++) printf("%d ", arr[i]);</pre> <p>Đáp án: 2 3 4 5 6 7 8</p>	<p>Câu 16: Cho biết kết quả khi chạy đoạn chương trình sau</p> <pre>int a[] = {1, 2, 3, 4, 5, 6}; int *ptr = &a[1]; printf("%d ", *(ptr+1));</pre> <p>Đáp án: 3</p>
<p>Câu 17: Cho biết kết quả khi chạy đoạn chương trình sau</p> <pre>int a[] = {1, 2, 3, 4, 5, 6}; int *ptr = a+1; printf("%d ", *ptr);</pre> <p>Đáp án: 2</p>	<p>Câu 18: Cho biết kết quả khi chạy đoạn chương trình sau</p> <pre>int *p, a[] = {0,1,2,3,4,5,6,7,8,9},b,c ; p= &a[4] ; b=*p ;c= *(p+2) ; printf("b=%d, c=%d",b,c);</pre> <p>Đáp án:b=4 , c= 6</p>
<p>Câu 19: Kết quả in ra khi chạy chương trình sau</p> <pre>int product (int *a, int *b) { *b = *b + 1 ; return (*a * *b) ; } void main(void) { int a[] = { 2,4,6,8,10 },Sn; Sn = product(&a[0],&a[1]) ; printf(" %d, %d\n", a[0], a[1]) ; }</pre> <p>Đáp án:2, 5</p>	<p>Câu 20: Kết quả in ra khi chạy chương trình sau</p> <pre>int sum (int *a, int *b) { return (*a + *b) ; } void main(void) { int a[] = { 2,4,6,8,10 },Sn; Sn = sum(a,a) ; printf(" %d\n", Sn) ; }</pre> <p>Đáp án: 4</p>

Phần B: TỰ LUẬN (5.0 điểm)

Câu 1. (1.0 điểm) Viết MỘT chương trình xử lý các công việc:

- Nhập vào 1 số nguyên x, yêu cầu: bắt buộc người dùng phải nhập x trong phạm vi từ 0 đến 10.

- In ra lại giá trị của số x này dưới dạng CHỮ. Ví dụ: nhập số x = 0, chương trình in ra “Không”, nhập số x = 5 in ra “Nam”.

```
#include <conio.h>
#include <stdio.h>
#include <malloc.h>
```

```

void main (void)
{
    int x;
    do
    {
        scanf("%d",&x);
    }while (x<0 || x>10);

    switch(x)
    {
    case 0:
        printf("Khong");
        break;
    case 1:
        printf("Mot");
        break;
    case 2:
        printf("Hai");
        break;
    case 3:
        printf("Ba");
        break;
    case 4:
        printf("Bon");
        break;
    case 5:
        printf("Nam");
        break;
    case 6:
        printf("Sau");
        break;
    case 7:
        printf("Bay");
        break;
    case 8:
        printf("Tam");
        break;
    case 9:
        printf("Chin");
        break;
    default:
        printf("Muoi");
    }
    getch();
}

```

Câu 2. (1.0 điểm) Viết (định nghĩa) HÀM xử lý công việc kiểm tra một mảng một chiều a có bao nhiêu số lẻ. Hàm có:

- Tham số đầu vào: 1 mảng 1 chiều, n phần tử
- Giá trị trả về: số lượng số lẻ có trong mảng đầu vào

```

int HamCau2(int *a, int n)
{
    int i, dem = 0;
    for (i = 0; i < n; i++)
        if(*(a+i)%2 == 1)
            dem++;
    return dem;
}

```

Câu 3. (1.5 điểm) Viết MỘT chương trình xử lý các công việc sau:

- Nhập vào 1 mảng 1 chiều gồm 120 số nguyên
- In ra số lớn nhất trong mảng vừa nhập
- Cho biết trong mảng vừa nhập có bao nhiêu số lẻ

```
#include <conio.h>
#include <stdio.h>
#include <malloc.h>
```

```
void main (void)
{
```

```
    int a[120];
    int i, max, dem;
    for (i = 0; i < 120; i++)
        scanf("%d",&a[i]);
```

(0.5 đ)

```
    max = a[0];
    for (i = 1; i < 120; i++)
        if(max < a[i])
            max = a[i];
```

(0.5 đ)

```
    dem = 0;
    for(i = 0; i < 120; i++)
        if(a[i]%2 == 1)
            dem++;
    printf("%d",dem);
```

(0.25 đ)

(0.25 đ)

```
    getch();
```

```
}
```

Câu 4. (1.5 điểm) Viết MỘT chương trình hoàn thiện với các yêu cầu sau:

a) Tạo 1 kiểu cấu trúc NHANVIEN để quản lý, gồm :

- Mã nhân viên (manv): định dạng chuỗi 5 ký tự.
- Tên nhân viên (tennv): định dạng chuỗi 20 ký tự.
- Địa chỉ (diachi): định dạng chuỗi 100 ký tự.
- Hệ số lương (hsluong): định dạng số thực.
- Số ngày công (sncong): định dạng số nguyên

b) Nhập danh sách 100 nhân viên từ bàn phím.

c) Tìm và in ra thông tin của nhân viên có số ngày công > 20.

```
#include <conio.h>
#include <stdio.h>
```

```
struct NHANVIEN
{
    char mavn[6];
    char tenvn[21];
    char diachi[101];
    float hsluong;
    int sncong;
};
```

(0.5 đ)

```
void main (void) {
```

```

struct NHANVIEN  a[100];
int i;
printf("Nhap danh sach nhan vien:\n");
for(i = 0; i < 100; i++)
{
    gets(a[i].mavn);
    gets(a[i].tenvn);
    gets(a[i].diachi);
    scanf("%f",&a[i].hsluong);
    scanf("%f",&a[i].sncong);
    fflush();
}

```

(0.5 đ)

```

printf("Cac nhan vien co so ngay cong >20\n");
for(i = 0; i < 100; i++)
if(a[i].sncong > 20)
{
    puts(a[i].tenvn);
    puts(a[i].diachi);
    puts(a[i].mavn);
    printf("%f\n",a[i].hsluong);
    printf("%f\n",a[i].sncong);
}
getch();

```

(0.5 đ)

}

Ngày 22 tháng 5 năm 2018
Thông qua Trưởng ngành